TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn trung.

Ông Mai Văn Du.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1992. Địa chỉ: đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1994. Địa chỉ: đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bảng tự khai, và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà Phạm Thị Mỹ D kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến tháng 11/2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Bà D đưa đưa cháu B đã đi khỏi nhà đi từ tháng 11/2020 và ông D không thể liên lạc được. Nay ông D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho ông D được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ D.

Về con chung: ông bà có 01 con chung: cháu Nguyễn Công Thiên B, sinh năm 2020. Ly hôn, ông Nguyễn Công D có nguyện vọng giao cháu B cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Công D xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Mỹ D: Mặc dù bà D đã được Tòa án niêm yết trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Mỹ D vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh, Tổ trưởng tổ dân phố cũng xác định ông Nguyễn Công D và bà Phạm Thị Mỹ D sau khi kết hôn có sinh sống tại địa phương nhưng cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng, không ai quan tâm đến ai. Bà Phạm Thị Mỹ D đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ cuối năm 2020 còn ông D vẫn sống tại đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Công D đối với bà Phạm Thị Mỹ D.

Về nuôi con chung: ông bà có 01 con chung: cháu Nguyễn Công Thiên B, sinh năm 2020. Ly hôn, giao cháu B cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với bà Phạm Thị Mỹ D để yêu cầu ly hôn, con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con chung*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu và biên bản xác minh của Tòa án thì tại thời điểm khởi kiện, bà Phạm Thị Mỹ D có hộ khẩu tại địa chỉ: đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ D đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Mỹ D và ông Nguyễn Công D.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Công D và bà Phạm Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn vào năm 2020, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2020 do Uỷ ban nhân dân phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường O, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Công D, HĐXX nhận thấy:

Sau khoảng thời gian sống chung, từ tháng 11/2020, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và bà Phạm Thị Mỹ D đã đưa cháu B đi khỏi nhà từ tháng 11/2020 đến nay vẫn không liên lạc được. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Phạm Thị Mỹ D vắng mặt không rõ lý do. Theo xác minh tại địa phương thì bà D đã đi khỏi địa phương từ tháng 11/2020 và đến nay không rõ đi đâu, làm gì. Điều này thể hiện bà Phạm Thị Mỹ D không có ý định tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Nguyễn Công D. Xét mâu thuẫn trong cuộc

sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Công D và bà Phạm Thị Mỹ D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông Nguyễn Công D xác định không còn tình cảm với bà Phạm Thị Mỹ D nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Công D đối với bà Phạm Thị Mỹ D.

[2.2] Về con chung: ông bà có 01 con chung: cháu Nguyễn Công Thiên B, sinh năm 2020. Hiện nay cháu B đang sống với bà D. Do đó, ông Nguyễn Công D đề nghị giao con cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ tháng 11/2020 đến nay, bà D đã đưa cháu B rời khỏi nơi cư trú nên yêu cầu của ông D giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Công D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Công D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Công D tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công D đối với bà Phạm Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công D được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ D (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2020 do Uỷ ban nhân dân phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chúng: Giao cháu Nguyễn Công Thiên B, sinh năm 2020 cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001775 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Hòa An;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng